TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 654/2026/HNGĐ – ST.
Ngày: 02/07/2026.
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: **Bà Lê Hương Giang.**
Hội thẩm nhân dân : **Ông Nguyễn Văn Hành.**
Ông Nguyễn Văn Tuất.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Từ Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.
Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà: **Bà Hoàng Thúy Hằng** - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 202/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Hồng N,** sinh ngày 15/12/2001. (Có mặt).
Căn cước số: 001301031216.
Nơi thường trú: Nguyên Hanh, xã Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.
Nơi ở: Quan Nhân, phường Quan Chính, thành phố Hà Nội.
- Bị đơn: **Anh Vũ Anh K,** sinh ngày 28/06/2001. (Vắng mặt).
CCCD số: 001201008026.
Nơi cư trú: M, xã P, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - chị Nguyễn Hồng N trình bày:

- ***Về tình cảm****:* Chị và anh Vũ Anh K xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T (nay là UBND xã P), thành phố Hà Nội ngày 21/04/2023. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị và anh K. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sinh sống qua một vài nơi, đến tháng 12/2024 vợ chồng anh chị thuê nhà tại xã T, huyện T (nay là phường T), thành phố Hà Nội. Anh K sống ở đây đến tháng 10/2025, do vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên anh K đã dọn về sống ở nhà của bố mẹ đẻ tại M, xã P, thành phố Hà Nội và sống cùng bà nội là Đinh Thị L cho tới nay.

Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác biệt, bản thân anh K không có công ăn việc làm ổn định khiến vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã. Anh K không thay đổi bản thân làm cho cuộc sống vợ chồng trong tình trạng căng thẳng. Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung nhưng cháu đã mất sau khi sinh khoảng 02 tháng do bị bệnh tim bẩm

sinh. Thời gian khi con mất, chị bị ảnh hưởng tâm lý, sức khỏe, tinh thần nhưng anh K thiếu sự quan tâm, chăm sóc, động viên, an ủi chị dẫn tới ảnh hưởng tới tình cảm vợ chồng. Trước khi gửi đơn ly hôn tới Tòa án, chị đã nhiều lần trao đổi với anh K nhưng anh K không có ý kiến gì. Anh K biết việc chị nộp đơn ly hôn tới Tòa án nhưng anh K không hợp tác tới Tòa án giải quyết, chị có nói cho bố mẹ anh K biết về việc ly hôn, bố mẹ anh K nhất trí về việc ly hôn nhưng không thuyết phục được anh K tới Tòa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Anh K.

- ***Về con chung**:* Chị và anh K có 01 con chung là Vũ Thu S, sinh ngày 23/11/2023, nhưng cháu S đã mất ngày 18/01/2024 nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)**:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung**:* Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

***- Về án phí**:* Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần tuy nhiên anh Vũ Anh K vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến gửi Toà án và cũng không có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng trước đây. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Anh K; con chung của anh chị là cháu Vũ Thu S đã mất nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Chị không đề nghị tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tất cả các buổi làm việc với Tòa án nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N. Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Vũ Anh K.

- Về con chung: Chị N và anh K có 01 con chung là Vũ Thu S, sinh ngày 23/11/2023, nhưng cháu S đã mất ngày 18/01/2024, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về tài sản và các yêu cầu khác: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Vũ Anh K có nơi ở tại M, xã P, thành phố Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn – anh Vũ Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dụng:

- Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Hồng N và anh Vũ Anh K là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T (nay là UBND xã P), thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2025 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập anh K lên trình bày ý kiến và hoà giải tuy nhiên anh K đều vắng mặt cho thấy anh K không có ý thức vun đắp, hàn gắn gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Hồng N và anh Vũ Anh K có 01 con chung là Vũ Thu S, sinh ngày 23/11/2023, nhưng cháu S đã mất ngày 18/01/2024, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về tài sản và nhà ở chung:

Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

-Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí: Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị N và anh K có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

Xử:

I. Về quan hệ hôn nhân:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N.

2. Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Vũ Anh K.

II. Về con chung:

Chị N và anh K có 01 con chung là Vũ Thu S, sinh ngày 23/11/2023, nhưng cháu S đã mất ngày 18/01/2024, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

III. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

IV. Về án phí:

Chị Nguyễn Hồng N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005424 ngày 09/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

V. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Hồng N có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Vũ Anh K vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội ;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
-UBND xã Văn Tự, huyện Thường Tín (nay là UBND xã Phú Xuyên), thành phố Hà Nội, (số 27, ngày 21/04/2023) ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hương Giang